TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:01/2022/ QĐST- KDTM

B, ngày 05 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 và điểm d tiểu lục 1.4 mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST- KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.
Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng V , quận Hoàn K , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền ông: Trần Trung K - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh thị xã B.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh thị xã B.

Bị đơn: Ông Lê Văn Ng – Sinh năm: 1970
Trú tại: Thôn Lựu K , xã Yên Tr , huyện Yên Đ , tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện ngân hàng và ông Lê Văn Ng thống nhất: Ông Lê Văn Ng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/12/2021 là 805.248.806đồng *(Tám trăm lẻ năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm lẻ sáu đồng)*. Trong

đó nợ gốc là 640.000.000đồng *(Sáu Trăm bốn mươi triệu đồng)*, lãi trong hạn là 115.410.074đồng *(Một trăm mười lăm triệu bốn trăm mười nghìn không trăm bảy mươi tư đồng)*, lãi quá hạn là 49.838.732đồng *(Bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng)*. Trong đó, đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11101688/HĐTD ngày 11/6/2019 còn nợ: Tiền gốc là 395.000.000đồng, lãi suất trong hạn là 71.079.746 đồng, lãi suất quá hạn là 32.988.636đồng và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11101688/HĐTD ngày 01/10/2019 còn nợ: Tiền gốc là 245.000.000đồng, lãi suất trong hạn là 44.330.328 đồng, lãi xuất quá hạn là 16.850.096đồng.

Thời gian và phương thức trả nợ: Hai bên thống nhất: Đến hết tháng 6 năm 2022 ông Ng sẽ có trách nhiệm trả trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền cả gốc và lãi là 805.248.806đồng và Lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/11101688/HĐTD ngày 11/6/2019 và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11101688/HĐTD ngày 01/10/2019 trên số tiền gốc còn nợ lại kể từ ngày 29/12/2021 cho đến khi ông Nghị trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà ông Nghị phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

Đến hạn như đã cam kết, nếu ông Lê Văn NgBkhông trả được nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với tài sản thế chấp để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Ng đối với Ngân hàng TMCP B.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất tại: Thửa đất số 887, tờ bản đồ số 14 thuộc Thôn Lựu Khê, xã Yên Tr , huyện Yên Đ , tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL661527, số vào sổ cấp GCN: CH 00021 do UBND huyện Yên Đ , Thanh Hóa cấp ngày 01/02/2018 đứng tên ông Lê Văn Nghị (Tổng diện tích 168,4 m^2 đất ở nông thôn có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp Hồ của thôn cạnh 10, 30 m; Phía Nam giáp đường đi cạnh 9,20m; Phía tây giáp nhà ông Tính cạnh 17,27m; Phía Đông giáp nhà ông San cạnh 17, 30m). Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4A, số tầng 02 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng 65m^2 diện tích sàn là 130m^2; 01 Bán bình mái lợp Tôn xà gồ thép phía trước nhà giáp đường đi diện tích 24m^2; 01 Bán bình mái lợp Tôn xà gồ thép phía trước nhà giáp nhà ông Tính đi diện tích 65m^2; 01 Bếp + bán bình phía sau nhà giáp Hồ diện tích 15 m^2(03 bán bình + 01 bếp là tài sản phát sinh sau thời điểm thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/11101688/HĐTD ngày 09/8/2018 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2021.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng mà còn thừa thì trả lại cho ông Lê Văn Ng ; trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng, thì ông Lê Văn Ng vẫn phải trả tiếp số tiền còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11101688/HĐTD ngày 11/6/2019 và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11101688/HĐTD ngày 01/10/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận ông Lê Văn Ng chịu 18.078.700đồng

(Mười tám triệu không trăm bảy mươi tám bảy trămđồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ: Ông Lê Văn Ng phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B (Đại diện là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh thị xã B) số tiền 4.000.000đồng *(Bốn triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chổ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B(Đại diện là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp 17.191.000đồng *(Mười bảy triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0005020 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND thị xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc L